TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10- HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 20/2026/QĐST-HNGĐ	*Hải Phòng, ngày 07 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10- HẢI PHÒNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Nguyệt

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Ly – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10- Hải Phòng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10- Hải Phòng tham gia phiên họp: Ông Tăng Bá Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10- Hải Phòng mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 513/2026/TLST-VHNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2026 về việc *"yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận vợ chồng"* theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số:11/2026/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2026 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Phạm Thị L1, sinh ngày 02-10-1955. Số Căn cước công dân: 030155013488. Ngày cấp: 14-8-2021. Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Nơi cư trú: Tổ dân phố K, phường B, thành phố Hải Phòng

Người có quyền L2 nghĩa vụ liên quan:

-Ủy ban nhân dân phường Phạm Sư Mạnh, thành phố Hải Phòng

Địa chỉ: phường Phạm Sư Mạnh, thành phố Hải Phòng

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lại Văn L3- Chủ tịch

- Chị Phạm Thị L2, sinh ngày 10-9-1987. Số Căn cước công dân: 030187020252. Ngày cấp: 11-8-2021. Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

- Anh Nguyễn Văn T, sinh ngày 15-9-1984. Số Căn cước: 030084025465. Ngày cấp: 22-9-2025. Nơi cấp: Bộ Công an.

Đều trú tại: Tổ dân phố K, phường P, thành phố Hải Phòng

(bà L1, anh T, chị L2, Ủy ban nhân dân phường Phạm Sư Mạnh đều đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình của bà Phạm Thị L1 và các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: Bà là mẹ đẻ của chị Phạm Thị L2, con rể là Nguyễn Văn T. Chị L2 và anh T được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã An Sinh, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (nay là phường Phạm Sư Mạnh, thành phố Hải Phòng) vào ngày 17-6-2004. Đến nay bà mới biết tại thời điểm đăng ký kết hôn chị L2 mới được 16 tuổi 9 tháng 7 ngày. Vì theo giấy khai sinh và căn cước công dân của chị L2 đều thể hiện sinh ngày 10-9-1987. Như vậy tại thời điểm đăng ký kết hôn chị L2 là chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Nay bà yêu cầu Toà án nhân dân khu vực 10- Hải Phòng huỷ giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 17 ngày 17-6-2004 của Uỷ ban nhân dân xã An Sinh, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (nay là phường Phạm Sư Mạnh, thành phố Hải Phòng) giữa chị Phạm Thị L2 và anh Nguyễn Văn T theo quy định của pháp luật. Do bà hiện nay bận đi làm nên bà không thể đến để làm việc. Bà đề nghị Tòa án cho bà xin được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc cũng như tại phiên họp giải quyết.

Người có quyền L2 nghĩa vụ liên quan là chị Phạm Thị L2 và anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh chị là con đẻ, con rể của bà Phạm Thị L1. Chị Phạm Thị L2 và anh Nguyễn Văn T được tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn vào ngày 17-6-2004 tại UBND xã An Sinh, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường Phạm Sư Mạnh, thành phố Hải Phòng). Tại giấy khai sinh và Căn cước công dân của chị L2 đều thể hiện chị sinh ngày 10-9-1987. Tuy nhiên tại thời điểm đăng ký kết hôn do nhầm lẫn nên trong giấy đăng ký đã ghi chị sinh ngày 10-5-1987. Do vậy tại thời điểm đăng ký kết hôn chị L2 mới được 16 tuổi 9 tháng 7 ngày là chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật. Chị và anh Nguyễn Văn T kể từ khi kết hôn chung sống hòa thuận hạnh phúc, có 04 con chung là Nguyễn Thị Khánh Hiền, sinh ngày 20-11-2019; Nguyễn Thế Anh, sinh ngày 01-9-2012; Nguyễn Thế Ngọc, sinh ngày 12-02-2005; Nguyễn Thị Khánh Huyền, sinh ngày 02-12-2007. Nay mẹ đẻ chị là bà Phạm Thị L1 đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 10- Hải Phòng huỷ đăng ký kết hôn giữa chị và anh T do UBND xã An Sinh, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường Phạm Sư Mạnh, thành phố Hải Phòng) cấp số 17 ngày 17-6-2004 anh chị không đồng ý. Đến nay chị L2 đã đủ tuổi đăng ký kết hôn và cuộc sống gia đình hạnh

phúc. Anh chị đề nghị Toà án xem xét công nhận chị và anh T là vợ chồng kể từ thời điểm chị đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định. Do anh chị hiện nay bận đi làm nên không thể đến để làm việc. Anh chị đề nghị Tòa án cho xin được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc cũng như tại phiên họp tòa án xét xử.

Người có quyền L2 nghĩa vụ liên quan Uỷ ban nhân dân phường Phạm Sư Mạnh, thành phố Hải Phòng thể hiện: Tại văn bản số 1166 ngày 24/7/2026 của UBND phường Phạm Sư Mạnh: Sau khi nhận được Công văn số 809/2026/CV-TA ngày 16/7/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng về việc tham gia ý kiến đối với vụ việc dân sự yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Phạm Thị L2 và anh Nguyễn Văn T, Ủy ban nhân dân phường Phạm Sư Mạnh xác định tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 17-6-2004, chị Phạm Thị L2 mới đủ 16 tuổi 9 tháng 7 ngày, chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, Ủy ban nhân dân phường Phạm Sư Mạnh thống nhất với yêu cầu của bà Phạm Thị L1 về việc hủy Giấy chứng nhận kết hôn số 17 ngày 17-6-2004 do UBND xã An Sinh, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường Phạm Sư Mạnh, thành phố Hải Phòng) cấp cho chị Phạm Thị L2 và anh Nguyễn Văn T. Do điều kiện công tác tại địa phương, Ủy ban nhân dân phường Phạm Sư Mạnh có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ việc.

Tại phiên họp: Bà Nguyễn Thị L1, chị Phạm Thị L2, anh Nguyễn Văn T, Ủy ban nhân dân phường Phạm Sư Mạnh đều đề nghị xin vắng mặt và có quan điểm giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10- Hải Phòng có quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 8, Điều 10; Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 29; Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; Điều 149; Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Không chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị L1 về việc hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Nguyễn Văn T và chị Phạm Thị L2 theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 17 ngày 17/6/2004 do UBND xã An Sinh, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường Phạm Sư Mạnh, thành phố Hải Phòng) cấp.

2. Công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị L2 và anh Nguyễn Văn T kể từ ngày 10-9-2005.

3. Về lệ phí: Bà Phạm Thị L1 không phải chịu lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn T và chị Phạm Thị L2 phải chịu lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 10- Hải Phòng nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Phạm Thị L1 có đơn yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Phạm Thị L2 và anh Nguyễn Văn T. Chị L2 và anh T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Sinh, huyện Kim Môn, tỉnh Hải Dương (nay là phường Phạm Sư Mạnh, thành phố Hải Phòng). Toà án nhân dân khhu vực 10-Hải Phòng thụ lý giải quyết yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật là đúng với thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 29; Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà L1, chị L2, anh T, Ủy ban nhân dân phường Phạm Sư Mạnh đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án quyết định mở phiên họp vắng mặt bà L1, chị L2, anh T, Uỷ ban nhân dân phường Phạm Sư Mạnh.

[2]. Về nội dung:

- Xét yêu cầu của bà Phạm Thị L1 về việc hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Phạm Thị L2 và anh Nguyễn Văn T, do Ủy ban nhân dân xã An Sinh, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (nay là phường Phạm Sư Mạnh, thành phố Hải Phòng) cấp số 17 ngày 17-6-2004. Tại Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ghi tên vợ Phạm Thị L2, sinh ngày 10-5-1987. Đối chiếu với Giấy khai sinh và Căn cước công dân của chị thể hiện họ tên Phạm Thị L2, sinh ngày 10-9-1987. Như vậy tại thời điểm đăng ký kết hôn chị L2 mới được16 tuổi 9 tháng 7 ngày là chưa đủ tuổi đăng ký theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Chị L2 và anh T không đồng ý hủy kết hôn trái pháp luật và đề nghị công nhận anh chị là vợ chồng kể từ thời điểm chị L2 đủ tuổi theo quy định. Ủy ban nhân dân phường Phạm Sư Mạnh đồng ý hủy giấy chứng nhận đăng ký kết hôn giữa chị L2 và anh T. Xét yêu cầu của bà L1 là có căn cứ tuy nhiên chị L2 và anh T đều đề nghị Tòa án công nhận vợ chồng nên không chấp nhận yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của bà. Áp dụng Điều 8; Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 hướng dẫn thi hành một số quy

định của Luật hôn nhân và gia đình công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị L2 và anh T kể từ ngày 10-9-2005.

[3]. Về lệ phí: Bà Phạm Thị L1 không phải chịu lệ phí Tòa án theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 11 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh T và chị L2 phải chịu lệ phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 8, Điều 10; Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 29; Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; Điều 149; Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Không chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị L1 về việc hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Phạm Thị L2 và anh Nguyễn Văn T theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 17 ngày 17-6-2004 do Ủy ban nhân dân xã An Sinh, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (nay là phường Phạm Sư Mạnh, thành phố Hải Phòng) cấp.

2. Công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị L2 và anh Nguyễn Văn T kể từ ngày 10-9-2005.

3. Về lệ phí: Bà Phạm Thị L1 không phải chịu lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị Phạm Thị L2 và anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn)* đồng lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Người yêu cầu, người có quyền L2 nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 10- Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- UBND phường Phạm Sư Mạnh, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Nguyệt